

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS - PT

Ngày: 10-9-2020

V/v “Tranh chấp về kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Vương Thảo

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLPT- DS ngày 22/7/2020 về việc “*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXPT- DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 và đề nghị của các đương sự ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Kx/70 đường Nguyễn Công Hoan, tổ 49, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Trương Thị C (Mai), sinh năm 1966.

Địa chỉ: Kx/02 đường Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Xuân Phương - Luật sư Công ty TNHH MTV KPK - Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: 67 đường Trần Xuân Lê, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Người làm chứng: Bà Đặng Thị Tường C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Kx/70 đường Nguyễn Công Hoan, tổ 49, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/12/2019, bản tự khai đề ngày 04/12/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim L trình bày:*

Do có quen biết, vào ngày 10/3/2019 bà Trương Thị C có vay mượn của tôi số tiền là 135.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 10/3/2019. Sau đó, bà C tiếp tục vay mượn của tôi số tiền 65.000.000 đồng, tiếp theo bà C vay mượn của tôi số tiền 150.000.000 đồng để làm ăn, do đó ngày 27/6/2019, bà C đã viết giấy mượn tiền ngày 27/6/2019 với số tiền là 215.000.000 đồng để giải quyết việc cá nhân. Tổng số tiền 02 giấy mượn tiền thì bà C mượn của tôi là 350.000.000 đồng. Toàn bộ chữ viết và ghi tên tại giấy mượn tiền ngày 10/3/2019 và giấy mượn tiền ngày 27/6/2019 là của bà C, tôi không ghi thêm cũng như không tẩy xóa tại 02 giấy mượn tiền trên. Bà C cam kết khi nào tôi cần tiền thì bà sẽ hoàn trả lại tiền đầy đủ cho tôi, nhưng khi tôi cần lấy lại tiền và yêu cầu bà C hoàn trả thì bà C cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác mà không trả nợ cho tôi và không thực hiện đúng cam kết ghi trong giấy mượn tiền.

Do bà C cố tình né tránh, không trả tiền cho tôi nên hai bên xảy ra mâu thuẫn và Công an có đến can thiệp giải quyết. Tháng 10/2019, Công an quận Thanh Khê có mời hai bên lên làm việc nhưng tôi không đồng ý việc bà C chỉ trả cho tôi số tiền 215.000.000đ vì bà C nợ tôi theo hai giấy mượn tiền với số tiền 350.000.000đ chứ không phải 215.000.000đ. Sau đó, tôi đã làm đơn khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án nhân dân quận Thanh Khê.

Bà C trình bày vay tiền từ năm 2014 và đến năm 2017 mới viết giấy mượn tiền là không đúng. Tôi xác định tôi cho bà C vay tiền từ năm 2019; còn năm 2017 thì tôi thường xuống xóm nhà cũ để uống cà phê rồi quen biết bà C.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị C phải trả cho tôi số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài số tiền vay nói trên thì bà C còn nợ tôi tiền góp và tiền biếu hàng tháng nhưng do ghi trong sổ nên tôi sẽ khởi kiện bà C bằng vụ án dân sự khác.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị Thùy Trang thống nhất với nội dung trình bày của bà Trần Thị Kim L và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị C phải trả cho bà L số tiền 350.000.000 đồng và không tính lãi.

** Theo bản tự khai đề ngày 11/12/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Trương Thị C trình bày:*

Trước đây, tôi và bà L là hàng xóm của nhau. Năm 2014, tôi có vay của bà Trần Thị Kim L số tiền là 40.000.000 đồng; sau khi thôi non, thôi già thì tôi nợ bà L tổng tiền gốc và tiền lãi là 130.000.000 đồng hay 135.000.000 đồng gì

đó, do lâu rồi tôi cũng không nhớ rõ. Vào năm 2017, bà L có yêu cầu tôi viết giấy và tôi đã viết giấy mượn tiền xác nhận có mượn của bà L số tiền là 135.000.000 đồng. Theo đó, từ năm 2017 đến năm 2019, hàng tháng tôi trả cho bà L số tiền 13.000.000 đồng. Do kinh tế gặp khó khăn nên tôi không có khả năng trả tiền lãi và có nợ bà L 03 tháng tiền chưa đóng là 40.000.000 đồng. Tổng cộng tôi nợ bà L số tiền là 170.000.000 đồng; trong đó tiền vay tại giấy mượn tiền năm 2017 là 130.000.000 đồng và 03 tháng tiền chưa đóng là 40.000.000 đồng.

Từ năm 2019, hàng tháng tôi trả cho bà L số tiền 17.000.000 đồng (trên tổng số tiền nợ 170.000.000 đồng nói trên). Do không có khả năng chi trả nên tôi lại tiếp tục nợ bà L số tiền góp hàng tháng là 40.000.000 đồng.

Tổng cộng tôi nợ bà L số tiền là 215.000.000 đồng (trong đó: 135.000.000 đồng là tiền mà tôi viết tại giấy mượn tiền năm 2017 và 85.000.000 đồng là tiền góp hàng tháng mà tôi nợ) thể hiện tại giấy mượn tiền ngày 27/6/2019 do chính tôi viết. Tôi có yêu cầu bà L trả lại cho tôi bản gốc giấy mượn số tiền 135.000.000 đồng năm 2017, bà L cứ hứa về nhà tìm lại giấy rồi sẽ trả lại cho tôi nhưng vẫn không trả.

Do không có khả năng trả nợ nên tôi phải bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh một thời gian. Còn bà L thì nhiều lần đến nhà hăm dọa, quấy phá gia đình tôi để yêu cầu tôi trả lại tiền. Cụ thể là vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 19/11/2019, bà L và chị C có đến nhà của tôi nói chuyện; sau đó, 02 dì cháu đánh, kéo tóc của tôi; Công an phường có đến để xử lý. Sau khi bị đánh thì tôi phải nhập viện để điều trị 01 tuần. Sau khi xuất viện, Cơ quan công an có mời tôi lên làm việc và đã cung cấp bệnh án cũng như trích xuất camera cho công an. Sự việc nói trên đã được công an giải quyết. Ngoài ra, bà L còn chặn xe chồng của tôi để đánh; bản thân tôi đã nộp đơn lên công an và sự việc đã được cơ quan công an xử lý, giải quyết.

Đối với nội dung giấy mượn tiền với số tiền vay là 135.000.000đ thì chữ viết là của tôi nhưng riêng phần “ngày 10/3/2019” không phải là của tôi.

Đối với nội dung giấy mượn tiền với số tiền vay là 215.000.000đ thì chữ viết là của tôi; tôi viết giấy này vào tháng 6/2019, không nhớ ngày, tại phần ghi “ngày 27/6/2019” không phải là chữ viết của tôi. Cả hai giấy mượn tiền này đều do tôi viết nhưng tôi không có ký nhận. Tại thời điểm viết giấy này thì có chị Đặng Thị Tường C (là cháu của bà L). Sau khi viết xong, tôi có yêu cầu bà L và chị C trả lại cho tôi giấy mượn tiền với số tiền mượn là 135.000.000đ nhưng bà L và chị C hẹn để về nhà tìm rồi đưa lại cho tôi sau. Tuy nhiên, bà L vẫn không trả lại cho tôi giấy mượn tiền 135.000.000đ.

Nay tôi xác định tôi còn nợ bà L số tiền là 215.000.000đ (*hai trăm mười lăm triệu đồng*) theo giấy mượn tiền ngày 27/6/2019 và tôi đồng ý trả số tiền này cho bà L. Đối với số tiền 135.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 10/3/2019 thì tôi không đồng ý vì số tiền 135.000.000 đồng này đã được gộp vào trong số tiền

215.000.000đ tại giấy mượn tiền ngày 27/6/2019. Tôi xác định phần ghi “ngày 10/3/2019” trong giấy ghi mượn số tiền 135.000.000 đồng và phần ghi “ngày 27/6/2019” trong giấy mượn số tiền 215.000.000 đồng không phải là chữ viết của tôi nhưng tôi không yêu cầu giám định.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Lê Thị Xuân Phương thống nhất với trình bày của bị đơn là bà Trương Thị C.*

** Theo bản tự khai đề ngày 19/12/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là bà Đặng Thị Tường C trình bày:*

Tôi là cháu của bà Trần Thị Kim L. Tôi có biết việc bà Trần Thị Kim L có cho bà Trương Thị C vay tiền, còn nội dung cụ thể vay mượn số tiền bao nhiêu và giao nhận tiền thì tôi không rõ, tôi có chứng kiến bà L giao tiền cho bà C nhưng không biết số tiền là bao nhiêu. Cơ quan Công an quận Thanh Khê có mời tôi lên làm việc, tôi cũng trình bày với cơ quan Công an là bà C trốn nợ và có điện về nói là còn thiếu bà L số tiền 603.000.000 đồng; tôi có nghe bà C nói rằng tờ giấy mượn tiền 135.000.000 đồng nằm trong tờ giấy mượn tiền 215.000.000 đồng; sau đó cán bộ lấy lời khai của Cơ quan Công an nói cho tôi biết là bà C khai hai giấy mượn tiền là gộp vào một khoản tiền nên tôi viết bản tường trình ngày 24/10/2019 là hai giấy mượn tiền này là một; sau khi Tòa án tạm ngừng phiên tòa, tôi được cán bộ Công an mời lên ghi lời khai và giải thích rõ nên tôi có làm bản trình bày lời khai ngày 05/6/2020; tôi xác định lời khai ngày 05/6/2020 là hoàn toàn chính xác, tôi chỉ biết là bà L có nói với tôi là bà C còn nợ bà L số tiền hơn 600.000.000 đồng. Thực tế, việc vay mượn tiền cụ thể thì bà L và bà C mới biết rõ chứ bản thân tôi không liên quan gì.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 105, 115, 116, 117, 118, 119, 274, 275, 276 và 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim L về việc: “*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*” đối với bị đơn là bà Trương Thị C (Mai).

1. Buộc bà Trương Thị C (Mai) phải trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 01 tháng 7 năm 2020, bị đơn bà Trương Thị C kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của bà L đối với việc yêu cầu Bà trả số tiền 135.000.000đ; Chấp nhận một phần yêu cầu của bà L về việc buộc Bà trả cho bà L số tiền 215.000.000đ dựa trên sự tự nguyện của bà C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm 16/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L chỉ yêu cầu bị đơn bà Trương Thị C (Mai) trả cho bà L số tiền 215.000.000đ một lần chậm nhất vào ngày 10/11/2020 và bà Trương Thị C đồng ý. Xét thấy, việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Trương Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng) một lần, chậm nhất là vào ngày 10/11/2020. Nếu đến ngày 10/11/2020 mà bà C không thực hiện theo đúng thỏa thuận thì bà C phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn - Bà Trương Thị C (Mai) phải chịu là: $1/2 \times 215.000.000đ \times 5\% = 5.375.000đ$ (Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001519 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Trương Thị C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trương Thị C số tiền tạm

ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002125 ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 274, khoản 1 Điều 280 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-PT ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Bà Trương Thị C (Mai) có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền 215.000.000đồng, trả một lần, thời gian trả chậm nhất là vào ngày 10/11/2020. Nếu đến ngày 10/11/2020 mà bà C không thực hiện theo đúng thỏa thuận thì bà C phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn - Bà Trương Thị C (Mai) phải chịu là: 215.000.000đ x 5% x 1/2 = 5.375.000đ (Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001519 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị C không phải chịu. Hoàn trả cho bà Trương Thị C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số

0002125 ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân Q. Thanh Khê;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Vương Thảo